Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

UBND TỈNH TÂY NINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC THỦY LỢI TÂY NINH
MST: 3900244004

Số : ..69../BC-TLTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 23 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Phục vụ tưới, tiêu; cung cấp nước:

a) Phục vụ tưới, tiêu:

Kết quả thực hiện năm 2021: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 148.611,33 ha đạt 100,15% kế hoạch năm 2021 được UBND tỉnh giao và bằng 99,52% so cùng kỳ năm 2020;

b) Cung cấp nước để sản xuất nước sinh hoạt và nhà máy công nghiệp:

Công ty đã hợp đồng cấp nước cho các nhà máy, gồm có: Nhà máy đường 8000 TMN (Thành Thành Công)) 0,15 m^3/s; Nhà máy mì TAPIOCA 190 m^3/h; Nhà máy mì Tân Châu 62,5 m^3/h; Nhà máy mì Hồng Phát 36 m^3/h; Cấp nước sinh hoạt cho khu Liên hợp Công nghiệp-Đô thị-Dịch vụ-Phước Đông 125 m^3/h (VRG). Tổng khối lượng nước cung cấp cho các nhà máy trong năm 2021 là 7.314.444 m^3. (đạt 109,72 % kế hoạch năm 2021 được UBND tỉnh giao).

2. Hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, và thu tiền nước

Tổng thu 77.920,338 triệu đồng, (đạt 95,22% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 94,93% so cùng kỳ năm 2020). Trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 71.160,667 triệu đồng, (đạt 95,92% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 93,48% so cùng kỳ năm 2020);

+ Thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi ngoài hạn điền: 176,671 triệu đồng, (đạt 117,78% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 106,53% so cùng kỳ năm 2020);

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 6.583 triệu đồng, (đạt 109,72% kế hoạch và bằng 117,41% so cùng kỳ năm 2020).

3. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh

a) Từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.

Kế hoạch vốn sửa chữa thường xuyên từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 là 23.000 triệu đồng. Công ty đã lập đầy đủ các thủ tục, đã triển khai thi công, hoàn thành vào cuối năm 2021, giải ngân 100% vốn kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2021.

b) Nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi:

Kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh bố trí là 3.000 triệu đồng, Công trình Sửa chữa thường xuyên kênh và công trình địa bàn Xí nghiệp thủy lợi Trảng Bàng, Xí nghiệp thủy lợi Gò Dầu, Xí nghiệp thủy lợi Dương Minh Châu, Xí nghiệp thủy lợi Tân Biên, Xí nghiệp quản lý các Trạm bơm.

Hạng mục:

- Công trình: Gia cố kênh N2-3 đoạn từ K0 ÷ K0+450 = KC; Gia cố kênh TN5-6A đoạn từ K0 ÷ K0+426; Gia cố kênh N4-1 đoạn từ K0 ÷ K0+400; Gia cố kênh N18-18 đoạn từ K0 ÷ K0+500; Nạo vét kênh tiêu T5-3 đoạn từ K0 ÷ K1+477 = KC; Nạo vét kênh tiêu T7A-4 đoạn từ K0 ÷ K1+615 (Hệ thống Tân Hưng); Nạo vét kênh dẫn Trạm bơm Long Khánh đoạn từ K0 ÷ K1+653.

Các hạng mục trên đã hoàn thành, đã nghiệm thu, bàn giao và giải ngân 100% vốn năm 2021.

c) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 227 của Công ty:

Song song với việc đầu tư sửa chữa từ các nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi và thủy lợi phí. Công ty cũng đã tổ chức cho công nhân tự thực hiện trám chít, đắp vá các vị trí hư hỏng theo quy định tại quyết định số 227 phần công nhân tự thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đất đào : 2.881,73 m^3
- Đất đắp : 1.507,65 m^3
- Bê tông các loại : 89,86 m^3
- Vữa các loại : 316,72 m^3

4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự hỗ trợ của các Ban, Ngành và UBND các huyện, Thị xã, Thành phố trong việc phối hợp tổ chức quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi;

- Hệ thống kênh mương đã được đầu tư nâng cấp từ các nguồn vốn tạo nhiều thuận lợi cho việc cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến công nghiệp trong thời gian qua;

- Người dân đã nắm bắt kịp thời các thông tin về thời gian đóng, mở nước, lịch tưới luân phiên của Ngành, đã chủ động gieo trồng các loại cây phù hợp với các biện pháp tưới tiêu trên từng khu vực, bảo đảm cho sự phát triển của cây trồng, đem lại hiệu quả năng suất cao nhất trong từng vụ sản xuất;

- Việc thực hiện đăng ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý của các tổ chức hợp tác dùng nước với các đơn vị trực thuộc Công ty được quan tâm và phối hợp tốt.

- Dự án Phước Hòa hoàn chỉnh tiếp nước từ hồ Phước Hòa cho hồ Dầu Tiếng, đã cơ bản khắc phục tình trạng thiếu nước tưới;

- Công ty được hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi kịp thời.

b) Những khó khăn và tồn tại, các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của đơn vị:

- Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Trong đó quy định không có đơn giá tiêu nước cây dài ngày nên ảnh hưởng đến doanh thu ký hợp đồng của Công ty, thực tế Công ty vẫn phải phục vụ tiêu nước cho diện tích cây dài ngày vì nằm trong vùng tưới, tiêu của Công ty. (do nhân dân trồng xen kẽ cây dài ngày, cây ngắn ngày trong cùng khu tưới, tiêu);

- Người dân chuyển đổi cây trồng tự phát, không theo quy hoạch, diện tích trồng cây lúa liên tục giảm, xen canh nhiều loại cây trồng có nhu cầu tưới khác nhau trong cùng một khu tưới, gây nhiều khó khăn, phức tạp trong việc vận hành điều tiết nước tưới, tiêu;

- Nhiều diện tích cây công nghiệp chuyển xuống trồng ở vùng thấp, nông dân trồng cây lâu năm trên đất có kế hoạch, quy hoạch, quyền sử dụng đất là đất trồng lúa, trong khi hệ thống kênh tiêu chưa đầy đủ, Công ty phải tốn nhiều kinh phí, nhân lực để chống ngập úng;

- Do chính sách phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và đô thị hóa, một số diện tích sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp, nông dân bỏ đất không sản xuất. Từ đó dẫn đến diện tích tưới của Công ty bị giảm;

- Mạng lưới kênh nội đồng còn thiếu nhiều, bình quân chung toàn Công ty thiếu khoảng 30%, tỷ lệ được kiên cố hóa thấp (khoảng 72,51% trong số hiện có);

- Công tác làm thông thoáng lòng dẫn kênh tưới dưới 50 ha, một số tổ chức hợp tác dùng nước thực hiện đôi lúc còn chậm, chưa đồng bộ với kênh cấp trên, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ tưới cục bộ một số khu vực;

- Các vụ vi phạm lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi chưa được chính quyền địa phương quan tâm giải quyết;

- Tình trạng người dân xả rác thải xuống hệ thống kênh của Công ty, nhất là các tuyến kênh đi qua khu dân cư chưa được chính quyền xử lý làm ảnh hưởng đến chất lượng nước tưới.

c) Nguyên nhân những việc khó khăn còn tồn tại:

- Do cơ chế thị trường nông dân tự chuyển đổi cơ cấu cây trồng và không thực hiện theo quy hoạch. Diện tích trồng cây lúa liên tục giảm, nông dân chuyển qua trồng các loại cây trồng cạn và cây ăn trái. Trong một vùng tưới có nhiều loại cây trồng khác nhau nên nhu cầu sử dụng nước tưới khác nhau và gây khó khăn trong việc vận hành điều tiết nước tưới, tiêu phục vụ nhân dân.

- Tỉnh Tây Ninh đã có chủ trương chuyển đổi một số loại cây trồng kém hiệu quả như mía, lúa, cao su... sang trồng cây ăn quả. Hiện nay một số vùng thực hiện mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng qua cây ăn trái nên đòi hỏi phải có hệ thống tiêu thoát nước cho cây ăn trái, trong khi hệ thống kênh tiêu do Công ty quản lý còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu nước cho cây ăn trái nên phải tốn nhiều kinh phí, nhân lực để chống ngập úng; Ngoài ra nhà nước chưa có đơn giá tiêu cho cây lâu năm nên cũng gây khó khăn cho kinh phí của Công ty trong quá trình hoạt động phục vụ tưới tiêu của nhân dân.

- Các Tổ chức hợp tác dùng nước (TCHTDN) đến nay gồm: 26 hợp tác xã, 269 tổ thủy nông năng lực hoạt động còn nhiều hạn chế; kinh phí hoạt động còn nhiều khó khăn, thu nhập của các TCHTDN không tăng trong khi giá cả ngày càng tăng, gây khó khăn trong hoạt động.

- Năng lực và chất lượng hoạt động của một số TCHTDN chưa đồng bộ, chậm được khắc phục. Sự quan tâm của chính quyền địa phương, trong việc đầu tư kênh loại 3 (kênh < 50 ha) còn rất hạn chế, cũng ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ.

- Mạng lưới kênh <50 ha nội đồng còn nhiều kênh chưa được bê tông hóa, Theo chỉ đạo của UBND tỉnh Công ty phối hợp Sở Nông nghiệp và các huyện, thị xã, Thành phố rà soát hệ thống kênh nội đồng để cho địa phương ghi vốn đầu tư.

- Các vụ vi phạm lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi chưa được chính quyền địa phương quan tâm giải quyết;

- Năng lực và chất lượng hoạt động của một số TCHTDN chưa đồng bộ, chậm được khắc phục;

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Giá trị thực hiện 2021	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	Ha	148.390,29	148.611,33	
a)	Sản phẩm 1				
b)	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	81,834	79,667	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,802	1,647	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,892	1,299	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	1,700	2,986	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu *(nếu có)*	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích *(nếu có)*	Ha	148.390,29	148.611,33	
8	Tổng số lao động	Người	231	225	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	25,864	26,004	
a)	Quỹ lương quản lý (bao gồm Kiểm soát viên)	Tỷ đồng	1,716	1,825	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	24,148	24.179	

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty, theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về công bố thông tin của Doanh nghiệp nhà nước. Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Tây Ninh xin báo cáo./.

Nơi nhận:
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- UBND tỉnh (B/c và đăng Website UBND tỉnh);
- Sở KH-ĐT;
- Sở Tài chính;
- Chủ tịch, Ban Giám đốc Cty;
- Kiểm soát viên chuyên trách;
- Phòng KH-KT; QLN-CT, TV;
- Website Công ty (công bố thông tin DNNN)
- Lưu: VT, VP Công ty.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

M.S.D.N: 3900244004 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC THỦY LỢI TÂY NINH
TP. TÂY NINH - T. TÂY NINH

Nguyễn Hùng Thắng